

Bản án số: 78/2020/DS-PT  
Ngày: 08/6/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huyền Cường;  
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Sơn;  
Ông Điều Văn Hằng.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Đào Thanh Huyền - Thư ký  
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 326/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu trả lại tiền do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất” giữa nguyên đơn là ông La Văn V với bị đơn là ông La Văn T do có kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11507/2020/QĐPT ngày 23 tháng 05 năm 2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông La Văn V sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn NP, xã NQ, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn;

- **Bị đơn:** Ông La Văn T sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn NP, xã NQ, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện LB, tỉnh Lạng Sơn;

**Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện LB, tỉnh Lạng Sơn:** Ông Trần Văn T, Phó Trưởng phòng - Phòng Tài nguyên và Môi Thuyết LB, tỉnh Lạng Sơn (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 3394/QĐ-UBND ngày 08/7/2019);

2. Bà Hoàng Thị L (là vợ của ông La Văn V);

**Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị L:** Ông La Văn V (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 27 tháng 6 năm 2019);

3. Bà Tăng Thúy M sinh năm 1976 (tên khác: Tăng Thị M, là vợ của ông La Văn T);

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Tăng Thúy M:* Ông Hoàng Văn L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn.

4. Chị La Thị V (là con của ông La Văn T);

5. Chị La Thị Th (là con của ông La Văn T);

Chị V, chị Th không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì từ cấp sơ thẩm, đã được triệu tập hợp lệ.

6. Ông La Văn L (tên khác: Lê);

7. Ông La Văn LG (tên khác: Nghịch);

Cùng địa chỉ: Thôn NP, xã NQ, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn.

8. Bà Vi Thị U;

9. Anh La Văn C;

10. Chị La Thị T.

Cùng địa chỉ: Khu Cầu Lắm, thị trấn Lộc Bình, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn. (không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì từ cấp sơ thẩm, đã được triệu tập hợp lệ.)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 17/5/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/5/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Khoảng năm 1969, bố mẹ của ông La Văn V và ông La Văn T là cụ La Văn Hạnh (chết năm 2007) và cụ Lý Thị Theo (chết năm 2014) đã khai phá được đất đai tại Thôn NP, xã NQ, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1986, ông La Văn V xây dựng gia đình, được bố mẹ chia cho một phần đất để làm nhà ở riêng. Phần đất có tranh chấp cũng là đất do bố mẹ ông La Văn V để lại, hiện nay là một phần thửa đất số 130, tờ bản đồ địa chính số 13 (thửa đất số 130) tại thôn Nà Pá, xã Nam Quan. Từ năm 1991, ông La Văn V trồng khoai lang; năm 1995 trồng mận, hồng, chuối, dứa; năm 2015 ông La Văn V dựng 01 chuồng lợn bằng ván trên phần đất tranh chấp.

Khoảng tháng 5 năm 2018, Ủy ban nhân dân xã Nam Quan thông báo về việc Nhà nước thu hồi đất để làm đường; sau đó cơ quan chuyên môn đến kiểm kê tài sản trên đất, đo đạc diện tích đất bị thu hồi. Tuy nhiên, khi đo đạc diện tích đất bị thu hồi, cán bộ đo đạc không lập biên bản với ông La Văn V mà lập biên bản với ông La Văn T. Thấy vậy, ông La Văn V thắc mắc và mới biết hộ ông La Văn T đã được Ủy ban nhân dân huyện LB cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất đối với thửa đất số 130 từ năm 2013.

Ông La Văn V cho rằng gia đình ông đã quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 1991 đến nay, nhưng Ủy ban nhân dân huyện LB lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông La Văn T là không đúng; khi Nhà nước thu hồi đất để làm đường, Ủy ban nhân dân huyện LB cũng không trả tiền bồi thường cho ông. Do đó, ông La Văn V khởi kiện, yêu cầu ông La Văn T trả lại diện tích đất tranh chấp; yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện LB đã cấp cho hộ ông La Văn T và bà Tăng Thúy M đối với phần đất tranh chấp và yêu cầu ông La Văn T trả lại số tiền do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất.

Quá trình giải quyết vụ án, ông La Văn T trình bày: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ ông La Văn T khai phá. Năm 1989, ông La Văn T hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương, lúc đó, trên thửa đất chỉ có cây bạch đàn và sim; năm 1991, ông La Văn T phát đồi, trồng ngô, khoai, sắn... Năm 1992, ông La Văn T kết hôn với bà Tăng Thúy M và được gia đình dựng cho một ngôi nhà trình tường để vợ chồng ở riêng, ngôi nhà trình tường được dựng tại vị trí đất hiện nay có tranh chấp. Đến năm 2002, 2003, ngôi nhà bị nứt đổ nên ông La Văn T dựng nhà mới để ở, hiện nay gia đình vẫn đang sử dụng ngôi nhà này để làm bếp và nuôi gà, phần đất còn lại gia đình sử dụng để làm vườn.

Năm 2001, ông La Văn T đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất; ngày 20/12/2001, hộ ông La Văn T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 100m<sup>2</sup> đất ở. Năm 2011, sau khi Nhà nước đo đạc bản đồ địa chính, hộ ông La Văn T kê khai, đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày 16/4/2013, hộ gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ CH00515 đối với thửa đất số 130, tổng diện tích 956,7m<sup>2</sup>.

Quá trình ông La Văn T sử dụng đất, khoảng năm 2009, ông La Văn V trồng 01 cây hồng trên đất; khoảng năm 2016, ông La Văn V tiếp tục trồng chanh, khoai lang và dựng 01 chuồng lợn trên đất của gia đình ông La Văn T. Khi ông La Văn V cuốc hố trồng cây, ông La Văn T đã nhắc nhở nhưng ông La Văn V vẫn tiếp tục trồng cây, dựng chuồng lợn...

Năm 2013, ông La Văn T đã chuyển nhượng một phần thửa đất số 130 cho ông Lương Văn Bình và ông Hoàng Văn Hòa, chiều rộng theo mặt đường phần đất chuyển nhượng cho mỗi người là 05m, chiều sâu hết thửa đất; hiện nay ông Lương Văn Bình đã xây dựng nhà ở; phần đất ông Hoàng Văn Hòa nhận chuyển nhượng đã chuyển nhượng lại cho ông Hứa Văn Phi, hiện nay vẫn là đất trồng, ông Hứa Văn Phi chưa sử dụng; phần đất ông La Văn V tranh chấp là phần tiếp giáp đất của ông Hứa Văn Phi. Đầu năm 2019, sau khi Nhà nước thu hồi đất, ông La Văn T đã cho san ủi, hạ thấp nền phần còn lại của thửa đất số 130, phần đất có tranh chấp cũng đã san ủi gần hết, chỉ còn lại một ụ đất ở phía tiếp giáp đường.

Về số tiền Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất: Khi Ủy ban nhân dân huyện LB thực hiện thủ tục thu hồi một phần thửa đất số 130, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện LB đã giữ lại số tiền 8.080.000 đồng, tương ứng với giá trị bồi thường diện tích đất bị thu hồi có tranh chấp. Tuy nhiên, sau khi Tòa án nhân dân huyện LB ban hành Quyết định số 02/2019/QĐST-DS ngày 09/4/2019 về việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, ông La Văn T đã được chi trả toàn bộ số tiền nói trên.

Ông La Văn T xác định toàn bộ thửa đất số 130 là đất được bố mẹ chia, hộ ông La Văn T đã kê khai, đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do đó, ông La Văn T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông La Văn V.

Bà Hoàng Thị L, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn nhất trí với ý kiến của ông La Văn V và đã ủy quyền cho ông La Văn V tham gia tố tụng;

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn gồm bà Tăng Thúy M, chị La Thị V và chị La Thị Thoa. Quá trình giải quyết vụ án, bà Tăng Thúy M và chị La Thị Thoa có bản khai thể hiện nhất trí với ý kiến của ông La Văn T; chị La Thị V đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Ông La Văn L và ông La Văn LG là anh em ruột của ông La Văn V và ông La Văn T xác định đất tranh chấp có nguồn gốc của bố mẹ các ông để lại. Cụ La Văn Hạnh và cụ Lý Thị Theo đã chia đất cho các con từ khi cả hai cụ còn sống, phần đất của ai được chia người đó đã quản lý, sử dụng ổn định. Ông La Văn L và ông La Văn LG không xác định phần đất tranh chấp bố mẹ các ông đã chia cho ông La Văn V hay ông La Văn T, nhưng các ông xác định ông La Văn V có trồng một số cây trên đất.

Ông La Văn Chắc, là anh em ruột của ông La Văn V và ông La Văn T đã chết năm 2001. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập vợ và các con của ông La Văn Chắc là bà Vi Thị U, chị La Thị T và anh La Văn C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng bà Vi Thị U, chị La Thị T và anh La Văn C không tham gia và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại bản khai ngày 18/7/2019 và bản khai ngày 05/8/2019, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện LB trình bày: Ngày 16/4/2013, Ủy ban nhân dân huyện LB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ CH00515 cho hộ ông La Văn T và bà Tăng Thúy M đối với thửa đất số 130 trên cơ sở cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện đã cấp ngày 20/12/2001 cho hộ ông La Văn T đối với thửa đất ở. Diện tích chênh lệch giữa hai lần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do năm 2001 diện tích đất

chưa được đo đạc bản đồ, cơ quan chuyên môn chỉ lập sơ đồ vị trí thửa đất để làm cơ sở lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; năm 2013, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện trên cơ sở kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính chính quy. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông La Văn T đối với thửa đất số 130 là đúng đối tượng sử dụng đất, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Năm 2018, Nhà nước thu hồi một phần thửa đất số 130 của hộ ông La Văn T để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường đến trung tâm các xã Xuân Dương - Ái Quốc huyện LB và xã Thái Bình, huyện Đình Lập (đoạn Km7 - km10 xã Nam Quan). Tại biên bản thống kê, kiểm đếm khối lượng về đất đai lập ngày 25/5/2018 và Mảnh trích đo địa chính số 20-2018 thể hiện có một phần đất tranh chấp thuộc phạm vi bị thu hồi, nhưng không có tài sản gắn liền với đất bị thu hồi.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2019 xác định tổng diện tích đất tranh chấp giữa ông La Văn V và ông La Văn T là 153,7m<sup>2</sup>, trong đó phần diện tích đã bị thu hồi là 10,6m<sup>2</sup>, phần còn lại thuộc thửa đất số 130 là 143,1m<sup>2</sup>. Phần đất tranh chấp thuộc thửa 130 có ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 130, ông La Văn T đã chuyển nhượng cho ông Hứa Văn Luyện, nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, dài 21,66m;

- Phía Đông tiếp giáp thửa đất số 134 của ông La Văn V, dài 5,2m;

- Phía Tây tiếp giáp đường giao thông, dài 8,12m;

- Phía Nam tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 130, ông La Văn T đã chuyển nhượng cho ông Hứa Văn Phi, nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, dài 22,33m.

Toàn bộ diện tích đất tranh chấp là đất trống, không có cây cối, hoa màu, công trình xây dựng, vật kiến trúc.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 11/9/2019, Hội đồng định giá xác định giá quyền sử dụng đất tranh chấp là 800.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông La Văn V chỉ yêu cầu được sử dụng 50m<sup>2</sup> đất, phần tiếp giáp đất của ông Hứa Văn Phi, chiều rộng tiếp giáp đường giao thông là 05m; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông La Văn T và bà Tăng Thúy M đối với phần đất tranh chấp và yêu cầu ông La Văn T trả lại 1/2 số tiền do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất là 4.040.000 đồng;

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 Tòa án nhân

dân tỉnh Lạng Sơn quyết định:

Căn cứ vào khoản 5, 6 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 164, Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 34; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu ông La Văn V đã rút, cụ thể:**

- Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 93,1m<sup>2</sup> đất, thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ địa chính số 13, xã Nam Quan, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn (được xác định bằng các điểm A-B-C-I-H-G-A tại phụ lục bổ sung đính kèm Mảnh trích đo địa chính số 36-2019 kèm theo Bản án) và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH00515, số bìa BK 227582 do Ủy ban nhân dân huyện LB, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 16/4/2013 cho ông La Văn T và bà Tăng Thúy M đối với diện tích đất 93,1m<sup>2</sup> nói trên;

- Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 4.040.000 đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất.

### **2. Về yêu cầu đòi quyền sử dụng đất, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả lại tiền do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất**

2.1. Không chấp nhận yêu cầu của ông La Văn V về việc đòi quyền quản lý, sử dụng một phần thửa đất số 130, tờ bản đồ số 13, diện tích 50m<sup>2</sup> tại Thôn NP, xã NQ, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh như sau:

- Phía Đông tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 130, dài 05m;

- Phía Tây tiếp giáp đường giao thông, dài 05m;

- Phía Nam tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 130 (ông La Văn T đã chuyển nhượng cho ông Hứa Văn Phi, nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất), dài 10,4m;

- Phía Bắc tiếp giáp phần còn lại của thửa đất số 130, dài 10,4m.

*(Được xác định bằng các điểm D-G-H-I-D tại Phụ lục bổ sung Mảnh trích đo địa chính số 36-2019 kèm theo Bản án).*

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông La Văn V về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ CH00515, số bìa BK 227582 do Ủy ban nhân dân huyện LB, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 16/4/2013 cho hộ ông La Văn T và bà Tăng Thúy M đối với một phần thửa đất số 130, tờ bản đồ số 13,

diện tích 50m<sup>2</sup> đã nêu tại mục 2.1.

2.3. Buộc ông La Văn V chấm dứt hành vi tranh chấp với hộ ông La Văn T và bà Tăng Thúy M về quyền sử dụng đối với diện tích 50m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 13 tại Thôn NP, xã NQ, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn đã nêu tại mục 2.1.

2.4. Không chấp nhận yêu cầu của ông La Văn V về việc đòi ông La Văn T trả lại số tiền 4.040.000 đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), là tiền do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, phía nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa: Ông V giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ông V cho rằng ông là người sử dụng đất trước.

Ông T cho rằng bố mẹ khi còn sống đã cho các con riêng từng diện tích riêng biệt.

Ông V xác nhận không đăng ký quyền sử dụng đất đang tranh chấp cũng không có tài liệu nào chứng minh cho quyền sử dụng đất hợp pháp của mình đối với diện tích đang có tranh chấp.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt một số đương sự vì sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Ông V không có bất kỳ giấy tờ tài liệu nào chứng minh mình có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất đang có tranh chấp, do đó không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của ông V. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu những tài liệu tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Xét nội dung kháng cáo của ông La Văn V: Ông V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của ông. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử thấy:

2.1. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ La Văn Hạnh và cụ Lý Thị Theo là bố mẹ đẻ của nguyên đơn, bị đơn khai phá và đã chia cho các con khi

các cụ còn sống. Tại thời điểm đó, diện tích đất khai phá được chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và cũng không có giấy tờ tài liệu gì khác về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai.

Bản thân ông V đề nghị được sử dụng diện tích 50m<sup>2</sup> đất, phần giáp đường giao thông, chiều rộng 05m và giáp đất của ông Hứa Văn Phi. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm, ông V không có tài liệu chứng cứ về việc được cụ Hạnh, cụ Theo cho diện tích đất 50m<sup>2</sup> ở vị trí trên. Mặt khác, cũng không có tài liệu địa chính thể hiện ông V đã T hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc ông là người thực tế sử dụng diện tích đất có tranh chấp. Do đó, không có cơ sở xác định ông V là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất 50m<sup>2</sup> này. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông V là phù hợp với những tài liệu tại hồ sơ vụ án.

2.2. Về yêu cầu trả lại số tiền 4.040.000 đồng do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất. Do ông V không có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất 130 nên cũng không được nhận tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Bản án sơ thẩm phân tích, đánh giá là có cơ sở. Do đó, kháng cáo của ông V về số tiền này không có cơ sở chấp nhận.

2.3. Đối với yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông La Văn T. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử thấy: Năm 2001 ông T kê khai đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu đối với diện tích đất ở. Ngày 20/12/2001, hộ ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 100m<sup>2</sup>. Năm 2009, có bản đồ địa chính xã Nam Quan, ông T đã kê khai, xin đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất 130. Ủy ban nhân dân huyện LB đã xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng sử dụng đất. Mặt khác, như đã nêu trên, bản thân ông V không có tài liệu chứng minh mình có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất có tranh chấp. Do đó, ông V yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân huyện LB đã cấp cho hộ gia đình ông T là không có cơ sở chấp nhận.

2.4. Đối với các nội dung khác của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông V, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Về án phí: Miễn án phí phúc thẩm cho ông V

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

**QUYẾT ĐỊNH:**



1. Không chấp nhận kháng cáo của ông La Văn V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DSST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Sơn**

**Điền Văn Hằng**

**Nguyễn Huyền Cường**